TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-ST
Ngày 22 tháng 12 năm 2023
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm Nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Dung và bà Bùi Thị Thu H2

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Bảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án Nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47 /2020/TLST - DS ngày 27 tháng 5 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N N V P T N T V N;

Địa chỉ: Số 2 L H, đường L H, phường T C, quận B Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Ngọc T1 – Giám đốc Ngân hàng N N và P T N T, chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Ngô Việt H – Phó trưởng phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ Agribank chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L A, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số nhà 7, nghách 2, ngõ 11, đường T Đ T, phường K Q, thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L A: Ông Bùi Văn L , sinh năm 1971; địa chỉ: Số 26 đường N T T, phường T S, thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Thanh V, sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà 7, nghách 2, ngõ 11, đường T Đ T, phường K Q, thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

2. Ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1972 và bà Lý Thu H2, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ dân phố L T (khu hành chính 13), phường L B, thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

3. Ông Bùi Văn L , sinh năm 1971 và bà Khổng Thị Thu C, sinh năm 1976 (ông L có mặt, bà C vắng mặt).

Đều ở địa chỉ: Số 26 đường N T T, phường T S, thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2020 và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N N và P T N T V N trình bày: Ngày 12/01/2012, Ngân hàng N N và P T N T V N, chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc (Viết tắt Agribank chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc) với bà Nguyễn Thị L A có ký hợp đồng tín dụng số 012012/HĐTD theo đó Agribank cho bà L A vay số tiền 950.000.000đ, mục đích để bà L A sửa chữa nâng cấp nhà ở và mua xe ô tô; thời gian vay là 24 tháng, từ 12/01/2012 – 12/01/2014; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 22%/ năm, thời hạn trả lãi là 1 tháng/ 1 lần. Tài sản đảm bảo khoản vay là quyền sử dụng 205 m^2 đất, tại thửa số 550E, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Hán Lữ, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AB 812647, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02653 do UBND thành phố Vĩnh Yên cấp ngày 13/02/2007 mang tên Hoàng Văn H1. Theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 195/HĐTC ngày 01/01/2012 được công chứng tại Văn phòng công chứng Vĩnh Phú. Agribank chi nhánh Vĩnh Phúc đã giải ngân số tiền 950.000.000đ cho bà L A ngày 12/01/2012. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà L A trả lãi được 332.988.196đ và chưa trả được số tiền gốc nào. Do bà L A đã vi phạm thỏa thuận về việc trả gốc và trả lãi, từ ngày 12/01/2015 khoản vay đã bị chuyển nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị L A và ông Trần Thanh V phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tính gốc và lãi tính từ ngày 12/01/2012 đến hết ngày 22/12/2023 với lãi suất là 4,86%/năm là 1.176.566.554đ, trong đó tiền gốc là 950.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 226.566.554đ, kể từ ngày 23/12/2023 bà L A và ông V còn phải chịu tiền lãi trên nợ gốc theo lãi suất là 4,86%/năm theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bà L A và ông V tất toán toàn bộ khoản vay. Nếu bà L A và ông V không trả được đầy đủ các khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 205 m^2 đất và các tài sản trên đất tại thửa số 550E, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Hán Lữ, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AB 812647, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02653 do UBND thành phố Vĩnh Yên cấp ngày 13/02/2007 mang tên Hoàng Văn H1. Theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 195/HĐTC ngày 1/01/2012 được công chứng tại Văn phòng công chứng Vĩnh Phú. Nếu sau khi phát mại tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ thì bà L A và ông V phải tiếp tục trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi cho Ngân hàng theo quy định.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị L A tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại bản tự khai bà L A trình bày: Bà xác nhận việc ký hợp đồng tín dụng với Agribank để vay số tiền 950.000.000đ là đúng, thời hạn vay, lãi suất vay và mục đích vay tiền như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Để đảm bảo khoản vay ông Hoàng Văn H1 và bà Lý Thu H2 đã thế chấp quyền sử dụng đất (viết tắt QSDĐ) tại thửa đất số 550E, tờ bản đồ số 19, diện tích 205 m^2; địa chỉ: Tổ dân phố Hán Lữ, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận QSDĐ số AB812647 đứng tên Hoàng Văn H1. Về số tiền trên là bà vay hộ ông Bùi Văn L và bà Khổng Thị Thu C. Sau khi được Ngân hàng giải ngân thì ông L , bà C là người sử dụng số tiền này và trả gốc, trả lãi cho Ngân hàng. Tuy nhiên giữa ông bà với ông L , bà C không có giấy tờ gì về việc giao nhận số tiền này. Nay Ngân hàng yêu cầu bà phải trả tiền gốc và lãi, bà đồng ý trả tiền gốc còn tiền lãi thì xin Ngân hàng miễn, giảm. Về tài sản thế chấp bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Thanh V tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại bản tự khai ông V trình bày: Ông xác nhận việc bà L A ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N N để vay số tiền 950.000.000đ là đúng, thời hạn vay, lãi suất vay và mục đích vay tiền như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Để đảm bảo khoản vay ông Hoàng Văn H1 và bà Lý Thu H2 đã thế chấp QSDĐ tại thửa đất số 550E, tờ bản đồ số 19, diện tích 205 m^2; địa chỉ: Tổ dân phố Hán Lữ, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận QSDĐ số AB812647 đứng tên Hoàng Văn H1. Về số tiền vay này là bà L A vay hộ ông Bùi Văn L và bà Khổng Thị Thu C. Sau khi được Ngân hàng giải ngân thì ông L , bà C là người sử dụng số tiền này và trả gốc, trả lãi cho Ngân hàng. Tuy nhiên giữa ông bà và ông L , bà C không có biên bản giao nhận gì. Nay ngân hàng yêu cầu bà L A phải trả số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng ông đồng ý trả tiền gốc cho Ngân hàng và xin miễn, giảm tiền lãi. Về tài sản thế chấp ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Ông Hoàng Văn H1 và bà Lý Thu H2: Quá trình giải quyết Tòa án triệu tập nhưng ông H1, bà H2 không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã thông báo nhắn tin trên đài tiếng nói Việt Nam và báo công lý, niêm yết tại địa chỉ của ông H1, bà H2 theo quy định.

3. Ông Bùi Văn L và bà Khổng Thị Thu C, tại phiên tòa ông L trình bày: Vợ chồng ông bà có mua lại thửa đất của ông Hoàng Văn H1 nhưng chưa làm thủ tục sang tên thửa đất vẫn đứng tên ông H1. Năm 2015 vợ chồng ông bà có xây dựng 1 gian nhà để xe và 1 gian nhà tạm để chăn nuôi. Nay đối với các tài sản trên ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành đo đạc xem xét tại chỗ ngày 24/3/2022 đối với thửa đất số 550E, tờ bản đồ số 19 có diện tích là 206,8m^2, diện tích đất tăng hơn so với giấy chứng nhận QSDĐ là 1,8 m^2, trên đất có một gian nhà để xe xây gạch đổ bê tông diện tích là 22,8 m^2; 01 gian nhà tạm để chăn nuôi diện tích 21,9m^2.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2015; Điều 288, 289, Điều 317, 318, 319, 322, Điều 463, 466 của Bộ luật sân sự năm 2015; Điều 91, 95, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N N và P T N T V N.

Buộc bà Nguyễn Thị L A và ông Trần Thanh V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N N và P T N T V N số tiền gốc là 950.000.000đ, và số tiền lãi tính đến ngày hết ngày 22/12/2023, kể từ ngày 23/12/2023 bà L A còn phải chịu tiền lãi trên nợ gốc của hợp đồng tín dụng cho đến khi bà L A tất toán toàn bộ khoản vay.

Trường hợp bà L A và ông V không trả được đầy đủ các khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng được đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của bên thứ ba số 195/HDFDTC ngày 11/1/2012 là quyền sử dụng đất thửa đất số 550E, tờ bản đồ số 19, diện tích là 205m^2 và tài sản trên đất; địa chỉ: Tổ dân phố Hán Lữ, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận QSDĐ số AB812647 do UBND thành phố Vĩnh Yên cấp ngày 13/02/2007 mang tên Hoàng Văn H1 theo diện tích đất là 205 m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ. Khi phát mại tài sản thì ông L , bà C được quyền ưu tiên mua nếu có nhu cầu nhận chuyển nhượng. Nếu số tiền phát mại tài sản trên mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì bà L A và ông V tiếp tục phải trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị L A ký hợp đồng tín dụng với Agribank chi nhánh Vĩnh Phúc để vay tiền mục đích để sửa chữa nhà ở và mua ô tô nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng giữa bà L A với Ngân hàng N N thời hạn là 24 tháng, khi hết hạn hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã lập biên bản làm việc với bà L A, bà L A thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ của mình với Ngân hàng. Do đó thời hiệu khởi kiện bắt đầu lại, các đương sự trong vụ án không đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện vì vậy không xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[3] Về tố tụng: Tòa án đã thông báo nhắn tin cho ông Hoàng Văn H1 và bà Lý Thu H2 trên đài tiếng nói V N và báo Công lý thông báo cho ông H1 bà

Lý H2 đến Tòa án Vĩnh Yên để làm việc tuy nhiên ông bà không đến làm việc. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho ông H1 bà H2 theo quy định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông H1, bà H2 theo thủ tục chung.

[4] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng tín dụng giữa các bên phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng, thời điểm ký kết và phát sinh quyền và nghĩa vụ là năm 2012. Điều luật quy định về hợp đồng vay tài sản của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015 tương đồng không có mâu thuẫn với nhau nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết.

[5] Về nội dung vụ án: Ngày 12/01/2012, Ngân hàng N N và P T N T V N, chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc (Viết tắt Agribank chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc) với bà Nguyễn Thị L A có ký hợp đồng tín dụng số 012012/HĐTD theo đó Agribank cho bà L A vay số tiền 950.000.000đ, mục đích để bà L A sửa chữa nâng cấp nhà ở và mua xe ô tô; thời gian vay là 24 tháng, từ 12/01/2012 – 12/01/2014; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 22%/ năm, thời hạn trả lãi là 1 tháng/1 lần. Để đảm bảo khoản vay ông Hoàng Văn H1 và bà Lý Thu H2 đã thế chấp quyền sử dụng 205 m^2 đất, tại thửa số 550E, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Hán Lữ, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AB 812647, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02653 do UBND thành phố Vĩnh Yên cấp ngày 13/02/2007 mang tên Hoàng Văn H1. Theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 195/HĐTC ngày 01/01/2012 được công chứng tại Văn phòng công chứng Vĩnh Phú. Sau khi ký hợp dồng tín dụng bà L A đã được Ngân hàng giải ngân số tiền 950.000.000đ. Thực hiện hợp đồng bà L A đã trả được số tiền lãi là 332.988.196đ và chưa trả được số tiền gốc nào. Quá trình làm việc bà L A và ông V đều trình bày về việc ông bà ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng để vay hộ ông Bùi Văn L và bà Khổng Thị Thu C, ông L , bà C là người sử dụng số tiền trên và trả tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng. Tuy nhiên bà L A và ông V không cung cấp được tài liệu gì liên quan đến việc giao nhận tiền giữa ông bà với ông L , bà C. Tại biên bản lấy lời khai bà L A và ông V đồng ý trả nợ cho Agribank chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc tiền gốc và đề nghị xin miễn tiền lãi. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng yêu cầu bà L A và ông V trả số tiền gốc và lãi với lãi suất là 4,86%/năm từ khi nhận nợ cho đến hết ngày xét xử (ngày 22/12/2023), kể từ sau ngày xét xử bà L A và ông V phải chịu tiền lãi với lãi suất là 4,86%/năm trên số tiền gốc.

Xét yêu cầu của đại diện Agribank chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc về việc yêu cầu bà L A và ông V phải trả tiền gốc và tiền lãi với lãi suất là 4,86%/năm là sự tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà L A và ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Agribank chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L A và ông V phải trả số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 22/12/2023 là 1.176.566.554đ, trong đó tiền gốc là 950.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 226.566.554đ, kể từ 23/12/2023 bà L A còn phải chịu tiền lãi là 4,86%/năm trên nợ

gốc theo hợp đồng tín dụng số 012012/HĐTD ngày 12/01/2012 cho đến khi bà L A và ông V thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với hợp đồng thế chấp là QSDĐ thửa đất số 550E, tờ bản đồ số 19, diện tích 205 m^2; địa chỉ: Tổ dân phố Hán Lữ, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận QSDĐ số AB812647 đứng tên Hoàng Văn H1 (Theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 195/HĐTC ngày 01/01/2012) được công chứng tại Văn phòng công chứng Vĩnh Phú. Xét hợp đồng thế chấp QSDĐ giữa ông H1 với Agribank chi nhánh Vĩnh Phúc đã được các bên tiến hành ký kết và được công chứng, chứng thực theo đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp tài sản trên là hợp pháp có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết ông Bùi Văn L và bà Khổng Thị Thu C có trình bày là ông bà nhận chuyển nhượng thửa đất của ông Hoàng Văn H1, chưa làm thủ tục sang tên và ông bà xây dựng 01 gian nhà để xe, 01 gian nhà tạm để chăn nuôi. Xét thấy thửa đất của ông Hoàng Văn H1 là tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay cho bà L A, việc các bên chuyển nhượng cho nhau khi thửa đất đang thế chấp tại Ngân hàng và chưa làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật do đó việc chuyển nhượng trên là không hợp pháp.

Khi ông H1 ký hợp đồng thế chấp QSDĐ thửa đất số 550E, tờ bản đồ số 19, diện tích 205 m^2 với Agribank chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc, trên đất không có tài sản gì. Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ thì trên đất có 01 gian nhà để xe diện tích là 22,8 m^2, 01 gian nhà tạm để chăn nuôi diện tích là 21,9 m^2 do ông L , bà C xây dựng năm 2015. Tại Điều 6 của Hợp đồng thế chấp thể hiện: "*Tất cả các tài sản xây dựng trên diện tích đất này hiện tại và sau ngày ký hợp đồng đảm bảo tiền vay đều thuộc về tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay Ngân hàng*". Vì vậy 01 gian nhà để xe, 01 gian nhà tạm để chăn nuôi là tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo khoản vay cho bà L A nên được xử lý đồng thời với quyền sử dụng đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Do đó nếu bà L A không trả được tiền cho Ngân hàng thì chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 550E tờ bản đồ số 19, diện tích 205 m^2 theo giấy chứng nhận QSDĐ số AB812647 cấp ngày 13/02/2007 mang tên Hoàng Văn H1. Khi xử lý QSDĐ thì đồng thời xử lý cả các tài sản gắn liền với đất là 01 gian nhà để xe diện tích là 22,8 m^2, 01 gian nhà tạm để chăn nuôi diện tích là 21,9 m^2. Khi phát mại các tài sản trên để đảm bảo quyền lợi cho ông L , bà C thì ông L , bà C được quyền ưu tiên mua nếu có nhu cầu mua (nhận chuyển nhượng đất).

[8] Về diện tích đất của ông Hoàng Văn H1 sau khi đo đạc xem xét tại chỗ thì diện tích đất là 206,8 m^2, tăng hơn so với giấy chứng nhận QSDĐ là 1,8m^2. Theo biên bản xác minh tại UBND phường Khai Quang, diện tích đất này ông H1 không tranh chấp với ai và không lấn chiếm đất của ai, nhưng có lấn ra đường dân sinh là 1,8 m^2 thuộc UBND phường Khai Quang quản lý. Đối với diện tích đất này, Ủy ban nhân dân phường Khai Quang không đề nghị giải quyết trong vụ án này mà UBND sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật, đề nghị không

đưa Ủy ban nhân dân phường vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[9] Về chi phí tố tụng: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L A phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 317, 318, 319, 320, 322; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N N và P T N T V N.

Buộc bà Nguyễn Thị L A và ông Trần Thanh V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và P T N T V N số tiền tính đến hết ngày 22/12/2023 là 1.176.566.554đ (Một tỷ một trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm năm tư đồng) trong đó tiền gốc là 950.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 226.566.554đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/12/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với lãi suất là 4,86%/năm trên số tiền gốc theo Hợp đồng tín dụng số 012012/HĐTD ngày 12/01/2012 cho đến khi bà L A và ông V thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bà L A và ông V không trả được số tiền nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng Nông nghiệp và P T N T V N có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 550E, tờ bản đồ số 19, diện tích 205 m^2; địa chỉ: Tổ dân phố Hán Lữ, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận QSDĐ số AB812647 đứng tên Hoàng Văn H1. Theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 195/HĐTC ngày 01/01/2012 giữa Agribank chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc với ông Hoàng Văn H1 để thu hồi nợ. Đồng thời xử lý tài sản gắn liền với đất là 01 gian nhà để xe diện tích 22,8 m^2, 01 gian nhà tạm để chăn nuôi diện tích là 21,9 m^2 của ông Bùi Văn L và bà Khổng Thị Thu C. Khi phát mại tài sản ông L , bà C được quyền ưu tiên mua nếu ông L , bà C có nhu cầu mua (nhận chuyển nhượng đất); Nếu số tiền phát mại tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và P T N T V N thì bà L A và ông V tiếp tục phải trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và P T N T V N cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L A và ông Trần Thanh V phải chịu số tiền án phí là 47.296.996đ (Bốn mươi bẩy triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi s đồng)

Ngân hàng N N và P T N T Việt không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.945.000đ theo biên lai thu số: AA/2017/0006881 ngày 26/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân TP Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS TP Vĩnh Yên;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Đường